TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST
Ngày 24/ 01/2022
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
N□ ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ toạ phiên toà: Bà Bạc Thị Liên
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quang Khải
2. Bà Bạc Thị Kiên
- Th- ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đ.
- Đại diện VKSND huyện Đ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Ông Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên

Ngày 24/01/2022. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 06/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXX-ST ngày 24/12/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 07 ngày 05/01/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị H- Sinh năm: 1985 (có mặt)
Nơi ĐKTT: Thôn Đại T, xã N, huyện Đ, tỉnh ĐB

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn Đ - Sinh năm: 1986 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn Đại T, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

I.Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 01/10/2021 và các bản tự khai tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, chị Trần Thị H (nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và anh Đ có đăng ký kết hôn ngày 12/5/2009 tại UBND xã N, huyện Đ tỉnh Điện Biên. Kết hôn tự nguyện không ai ép buộc, chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do anh Đ không tu chí làm ăn, một phần do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, bản thân anh Đ bị nghiện rượu nặng không quan tâm đến tôi và con. Sau khi cãi nhau anh Đ có đánh đập bạo hành tôi một lần. Chúng tôi đã được hai bên gia đình hòa giải một lần nhưng anh Đ vẫn chứng nào tật ấy không chịu đi làm thuê kiếm tiền phụ giúp vợ con chỉ quanh quẩn ở nhà. Hiện tình cảm giữa tôi và chồng không còn cuộc

sống chung không có hạnh phúc nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Đ.

2. Về con chung: Chị H và anh Đ có 01 con chung là cháu Phạm Thu P, sinh ngày 26/02/2017.

- Ý kiến của chị H: Sau khi ly hôn tôi có nguyện vọng được nuôi con cho đến khi cháu thành niên vì cháu còn nhỏ lại mắc chứng bệnh tăng phản xạ co gân gót Achille, cần phải được điều trị dài ngày và cần được mẹ chăm sóc. Về phần cấp dưỡng nuôi con tôi không yêu cầu anh Đoàn cấp dưỡng.

3. Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, Nợ phải trả, Nợ lấy về; diện tích ruộng nương: Chị H và anh Đ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết;

II. Tại biên bản lấy khai tại Tòa án ngày 26/10/2021 anh Đ trình bày:

1. Về hôn nhân anh và chị H có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Đ ngày 12/5/2009, hôn nhân tự nguyện không ai ép buộc chung sống hạnh phúc được 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống không tìm được tiếng nói chung. Cô H không quan tâm đến tôi cuộc sống không hạnh phúc dẫn đến mâu thuẫn ngày càng tăng mặc dù hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần chúng tôi vẫn không tìm thấy tiếng nói chung. Nay cô H làm đơn ly hôn tôi đồng ý.

2.Về con chung anh Đ khai vợ chồng có 01 con chung cháu Phạm Thu P sinh ngày 26/02/2017, sau khi ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P cho đến khi thành niên không yêu cầu cô H cấp dưỡng.

3.Về tài sản riêng, tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con, về tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết như nội dung trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị đã trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay anh Đ vắng mặt.

-Ý kiến của đại diện viện kiểm sát tại tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa đều tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 8, 9, Điều 51, 56, 58, 81, 82 ,83 Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn; Về con chung: Tại phiên Tòa tòa Nguyên đơn cung cấp chứng cứ mới về sức khỏe là bệnh án của cháu Thu P. KSV xét thấy chứng cứ do chị H cung cấp đủ căn cứ, nên đề nghị giao cháu Thu P cho chị Huyền được nuôi con và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng. Về tài sản không yêu cầu Tòa giải quyết; Về án phí nguyên đơn phải chịu án phí DSST.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về Tố tụng: Bị đơn và cả nguyên đơn có địa chỉ tại thôn Đ, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên do vậy vụ án xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39/BLTTDS.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án nhân dân huyện Đ đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 177 BLTTDS, việc anh Đoàn không thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70; 72/BLTTDS là do anh Đoàn đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Cho nên căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS năm 2015. HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

[2] .Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Phạm Văn Đ tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Đ. Do vậy hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Theo lời khai của chị H và tại đơn xác minh về tình trạng hôn nhân cho thấy: Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau bất đồng quan điểm sống anh Đ không chịu tu chí làm ăn, lười lao động hay đi chơi, hai vợ chồng có xảy ra xô xát, tổ hòa giải thôn bản đã hòa giải cho anh Đ và chị H suy nghĩ lại và yêu cầu đoàn tụ gia đình nhưng không thành. Vì tình cảm không còn cuộc hôn nhân không có hạnh phúc nên chị H làm đơn và kiên quyết xin ly hôn.

Tại biên bản lấy lời khai và quá trình hòa giải anh Đ thừa nhận vợ chồng bất đồng quan điểm sống không tìm được tiếng nói chung do cô H không quan tâm chồng nên đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Về tình cảm hai vợ chồng của chị H và anh Đ đã trầm trọng dẫn đến đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai anh chị lại không quan tâm nhau, theo Điều 19 luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Nhưng hai anh chị không muốn thực hiện quyền và nghĩa vụ qui định tại điều luật này do bất đồng quan điểm sống, như vậy không thể đảm bảo hạnh phúc gia đình cho chị H cùng con. Áp dụng Điều 51, và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Phạm Văn Đ.

[3] Về con chung: Anh chị có 01 con chung cháu Phạm Thu P sinh ngày 26/02/2017. Tại phiên hòa giải cả anh Đ và chị H đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P cho đến khi thành niên và có khả năng lao động không yêu cầu cấp dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện tại cháu Phạm Thu P còn nhỏ lại mắc bệnh tăng phản xạ co gân gót do bẩm sinh đã phẫu thuật 01 lần, hàng năm cần điều trị theo chỉ dẫn của bác sỹ do sức khỏe yếu cần phải được chăm sóc đặc biệt theo chế

độ bệnh nhân. Quá trình xác minh tại địa phương thể hiện chị H hiện làm thợ may tại nhà thu nhập khoảng 3 triệu đến 4 triệu đồng trên tháng nên đủ khả năng nuôi dưỡng cháu P. Còn anh Đ hiện chỉ ở nhà làm ruộng và không có công việc khác với mức thu nhập không ổn định. Xét về mọi mặt để đảm bảo sự phát triển của con chưa thành niên, không có căn cứ để giao con cho anh Đ nuôi dưỡng. Do vậy để đảm bảo quyền lợi cho cháu Thu P và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của con chưa thành niên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, căn cứ Khoản 3 Điều 81, 82, 83 luật hôn nhân gia đình năm 2014, giao cháu P cho chị H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi d- ỡng cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động, anh Đ không phải cấp d- ỡng nuôi con chung. Hai bên có quyền đi lại thăm nom giáo dục con chung, không ai đ- ợc cản trở.

[4] Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng, nương: Hai anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H và anh Đ không xem xét giải quyết về phần tài sản của anh chị.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/216 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án. Chị Trần Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 19, 69, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị H được ly hôn với anh Phạm Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thu P sinh ngày 26/02/2017 cho chị Trần Thị H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi d- ỡng giáo dục cho đến khi cháu thành niên và đủ khả năng lao động. Anh Đ không phải cấp d- ỡng nuôi con chung.

Ng- ời không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai đ- ợc cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về Tài sản: Chấp nhận việc không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản của chị Trần Thị H và anh Phạm Văn Đ

4. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án, chị Trần Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, chị H đã nộp tạm ứng số tiền 300.000đ theo biên lai số: 0004806 ngày 06/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. (chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm).

Nguyên đơn có mặt tại Tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (24/01/2022). Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính, hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THA huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bạc Thị Liên